

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2025

"Về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

- Các hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Phương Thuận** và bà **Nguyễn Thị Hương Giang**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Mừng** - Thư ký
Tòa án - Tòa án nhân dân khu vực 12-Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12-Hải Phòng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXX ngày 25 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐ-HPT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Hải Phòng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh ngày 02/9/1995. Căn cước công dân số 0030195001630 do Cục Q cấp ngày 02/8/2024. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã B, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã B, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh ngày 16/10/1995. Căn cước công dân số 030095002710 do Cục Q cấp ngày 22/12/2022. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã B, thành phố Hải Phòng.

- Người làm chứng: Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1963
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã B, thành phố Hải Phòng.

(Chị D, bà T vắng mặt và đều đề nghị được vắng mặt tại phiên toà, anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Phạm Thị D trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C được tự do tìm hiểu nhau thời gian khoảng 01 năm, được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã B, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06/11/2015 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc gia đình. Mặt khác, do kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng không chia sẻ, bàn bạc được với nhau về cách làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng thống nhất cần có thêm thời gian suy nghĩ lại về nhau và cần cải thiện kinh tế gia đình nên năm 2018 chị D quyết định đi lao động tại Nhật bản, thời gian đầu anh chị có liên lạc với nhau nhưng mỗi lần điện thoại về thăm hỏi gia đình thì vợ chồng lại cãi nhau. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày một lớn dần và không liên lạc gì với nhau nữa. Năm 2024, hết thời hạn lao động chị trở về Việt Nam chung sống cùng nhà với bố con anh C nhưng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, không hạnh phúc khiến cả hai bị áp lực tinh thần. Mặc dù, vợ chồng cho nhau nhiều cơ hội và gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thể khắc phục được mâu thuẫn để cải thiện tình cảm vợ chồng nên chị D về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01/2025 và từ đó không quay lại chung sống với anh C. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung, chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Phạm Anh K, sinh ngày 18/10/2015 hiện chị trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị, chị làm tại Công ty TNHH C1-Cụm C, xã Đ, thành phố Hải Phòng, có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 9 – 10 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, chị có bố mẹ đẻ hỗ trợ mẹ con chị chỗ ở rộng rãi, thoáng mát và có đầy đủ các tiện nghi phục vụ sinh hoạt hàng ngày, bố mẹ chị còn trẻ khỏe và có nhiều thời gian đưa đón con đi học hàng ngày giúp chị. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình, chị xác định vợ chồng không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

** Bị đơn: (anh Trần Văn C) vắng mặt tại trụ sở Tòa án trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tuy nhiên, thông qua bà Hà Thị T là mẹ đẻ của anh C chung sống cùng nhà với anh C trình bày trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Thế B, trưởng thôn: Anh C và chị D là vợ chồng hợp pháp lấy nhau có đăng ký kết tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã B, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhà với bà nhưng trong cuộc*

sống hàng ngày anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2018 – 2019 mâu thuẫn vợ chồng anh chị càng thẳng nên chị D quyết định đi lao động nước ngoài tại Nhật Bản, còn bố con anh C ở nhà cùng bà, thời gian đầu chị D đi thi thoảng chị có liên lạc hỏi thăm bà, sau đó chị D không liên lạc và cũng không quan tâm gì bà và anh C. Đến khoảng năm 2023-2024 hết thời hạn lao động chị D về Việt Nam thì có về nhà bà ở khoảng gần 01 tháng nhưng anh chị lại xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, bà động động viên, khuyên giải anh chị nhưng không có hiệu quả, vợ chồng anh chị đều xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên chị D về nhà bố mẹ đẻ ở và gửi đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh C, sau đó chị D đón con về ở cùng chị. Nay, bà xác định kể từ khi chị D về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh C cũng không đi đón mẹ con chị D về đoàn tụ vợ chồng vì cả hai đều xác định không còn tình cảm, không thể hoà hợp được với nhau, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh C chán nản bỏ đi làm ăn cùng bạn bè, khi Toà án gửi các văn bản tố tụng về địa chỉ gia đình, bà đều nhận và thông báo cho anh C biết thông qua điện thoại, bà còn chụp văn bản gửi qua zalo cho anh C và khi anh C về nhà bà chuyển trực tiếp các văn bản cho anh C nhận, anh C thể hiện quan điểm do công việc làm ăn của anh không thể nghỉ để đến Trụ sở Toà án làm việc được, anh nhờ bà thông báo cho Toà án biết quan điểm của anh xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh C được ly hôn với chị D và phân định quyền nuôi con chung theo nguyện vọng của con. Nếu chị D có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị, anh C hoàn toàn đồng ý. Ngoài ra, bà T khẳng định anh C thường xuyên liên lạc với bà hàng ngày, ngày lễ, tết hoặc gia đình có công việc anh C đều về nhà, bà đều hỏi anh C hiện sống và làm việc ở đâu thì anh C đều nói làm ăn ở xa không nói rõ địa chỉ ở đâu, bà có khuyên bảo, động viên anh C về quê sống và đoàn tụ với chị D để cùng nhau nuôi dạy các con chung nhưng anh C nói với bà T rằng mâu thuẫn vợ chồng của anh với chị D căng thẳng trầm trọng, không thể chung sống với chị D thêm được nữa. Bà T xác định vợ chồng anh C, chị D có 1 con chung là Trần Phạm Anh K, sinh ngày 18/10/2015, hiện con chung của anh chị đang ở với chị D, chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay, bà được biết chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con, bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu để đảm bảo quyền lợi ích của cháu. Ngoài ra, bà T cho biết vợ chồng anh C, chị D không có tài sản chung, không có nợ chung và không có công sức đóng góp gì với bà. Anh C có đề nghị Toà án giải quyết vụ án cho phép anh được vắng mặt tại Toà án, anh không tranh chấp gì và không có yêu cầu phản tố đối với yêu

cầu khởi kiện của chị D, anh chấp hành bản án của Tòa án.

Tại biên bản xác minh đại diện khu dân cư cấp thông tin: Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn C là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã B, thành phố Hải Phòng) năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương và ở cùng nhà với mẹ đẻ của anh C, trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị D và anh C cụ thể như thế nào địa phương không nắm được cụ thể, anh chị không gửi đơn đề nghị các tổ chức xã hội tại địa phương hoà giải. Khoảng năm 2018-2019 chị D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản một thời gian, sau khi hết hạn lao động, chị D trở về sống cùng nhà với anh C và bà T được 1-2 tuần. Tuy nhiên, theo thông tin tại khu dân cư phản ánh thì vợ chồng chị D, anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã giữa vợ với chồng, giữa chị D với mẹ anh C, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong nhiều năm, hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, mẹ con chị D về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh C vẫn ở cùng bà T nhưng anh C đi làm thi thoảng về nhà một vài ngày sau đó lại đi làm. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét đến mâu thuẫn vợ chồng anh C chị D để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật, thực tế anh chị không còn chung sống một nhà, trường hợp anh chị đều xác định không thể đoàn tụ được với nhau thì Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để cả hai được ổn định cuộc sống riêng của mỗi người. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

** Tại biên bản xác minh tại Công an xã B, thành phố Hải Phòng cung cấp thông tin:* Tại cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện anh Trần Văn C, sinh ngày 16/10/1995. Căn cước công dân số 030095002710 do Cục Q cấp ngày 22/12/2022 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã B, thành phố Hải Phòng, các thành viên khác trong gia đình anh C trong đó có chị Phạm Thị D, sinh năm 1995 có quan hệ là vợ của anh C. Tuy nhiên, anh C đi làm ăn, ngày lễ, tết và thi thoảng vẫn về gia đình, anh C không đăng ký tạm vắng tại địa phương, hiện anh C làm gì ở đâu Công an xã không nắm được, Công an xã không biết anh C đang sinh sống ở đâu. Ngoài ra Công an xã B không cung cấp thông tin gì khác.

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, tại nội dung đơn chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh C và đề nghị Tòa án giải quyết giao con là Trần Phạm Anh K, sinh ngày 18/10/2015 cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác. Anh C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thu lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Hải Phòng căn cứ nội dung công văn số 1780/PA08 ngày 05/9/2025 của Phòng quản lý XNC – Công an thành phố H trả lời không xác định anh C đang ở nước ngoài hay ở Việt Nam. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ bị đơn đang ở nước ngoài hay ở Việt Nam. Nếu anh C không có mặt tại địa phương thì đề nghị Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án hoàn thiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng, mở lại phiên tòa thì Viện kiểm sát mới phát biểu quan điểm về giải quyết nội dung vụ án. Trường hợp HĐXX không tạm ngừng phiên tòa để bổ sung thủ tục niêm yết thì Viện kiểm sát khu vực 12-Hải Phòng không phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Trần Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn C, xã B, thành phố Hải Phòng. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12-Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp qui định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày vào ngày 06/11/2015 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã B, thành phố Hải Phòng) nên xác định quan hệ của chị D và anh C là hôn nhân

hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được nói chung, không cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm, liên lạc hay có trách nhiệm gì với nhau. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị D và anh C không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xác định chị D và anh C có 01 con chung là Trần Phạm Anh K, sinh ngày 18/10/2015, chị D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, con chung của anh chị là cháu K còn nhỏ, chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu phát triển về thể chất hoàn toàn bình thường như bao đứa trẻ khác cùng độ tuổi, cháu được đi học đầy đủ. Nay vợ chồng ly hôn chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện thực tế. Mặt khác, chị làm việc gần nhà ở của mẹ đẻ chị, thời gian chị làm việc trong giờ hành chính, ít phải tăng ca. Ngoài ra, chị còn có bố mẹ ở cùng hỗ trợ trong việc đưa đón con đi học hàng ngày, có chỗ ở và tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị. Anh C đang đi làm ăn thi thoảng mới về nhà nên trường hợp giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng thì không đảm bảo cuộc sống của con. Việc chị D tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Xét, hiện nay chị D có nghề nghiệp, thu nhập ổn định hàng tháng, với mức thu nhập từ 9 triệu đến 10 triệu đồng/tháng. HĐXX nhận thấy với mức thu nhập như trên và sinh sống tại địa bàn xã B như hiện nay thì cuộc sống của mẹ con chị D hoàn toàn đủ khả năng, đảm bảo tốt cuộc sống cho mẹ con chị D nên chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị là tự nguyện, cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình*: Chị D xác định vợ chồng không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Hải Phòng phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để xác minh làm rõ bị đơn ở nước ngoài hay ở Việt Nam. Hội đồng xét xử căn cứ nội dung công văn số 1780/PA08 (Đ1) ngày 05/9/2025 của Phòng quản lý XNC – Công an thành phố H trả lời: “Họ tên: Trần Văn C, sinh ngày 16/10/1995. CCCD số 030095002710. Địa chỉ: thôn C, B, thành phố Hải Phòng. Thông tin xuất nhập cảnh: Ngày 04/11/2018 đương sự xuất cảnh ra nước ngoài, đến ngày 28/02/2020 nhập cảnh về Việt Nam bằng hộ chiếu số C4232926 qua cửa khẩu S...”. Mặt khác, tại biên bản lời khai của người làm chứng là bà Hà Thị T mẹ đẻ của anh C ở cùng địa chỉ với anh C khẳng định anh C đi làm ăn, hàng ngày liên lạc với bà bằng điện thoại; ngày lễ, tết và thi thoảng anh C vẫn về gia đình. Khi Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng bà T nhận và chụp gửi qua zalo cho anh C biết. Khi anh C về nhà bà đều giao cho anh C nhận đầy đủ, anh C còn nhờ bà thông báo cho Toà án biết quan điểm của anh C đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D, phân định con chung theo nguyện vọng của con. Ngoài ra, biên bản xác minh tại Công an xã B xác định anh C đi làm ăn thi thoảng có về nhà và anh C không đăng ký tạm vắng tại địa phương. Do vậy, HĐXX xác định Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh C thông qua người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú, họ đã ký nhận và cam kết chuyển lại cho anh C biết là hoàn toàn đúng qui định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Hải Phòng về việc tạm ngừng phiên toà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Phạm Thị D ly hôn anh Trần Văn C.
- Về con chung*: Xử giao con là Trần Phạm Anh K, sinh ngày 18/10/2015 cho chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị D.

Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Phạm Thị D phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0000485 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn C đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12-Hải Phòng;
 - Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
 - Những người tham gia tố tụng;
 - UBND xã Bình Giang, TP. Hải Phòng
- (Kết hôn ngày 06/11/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu VP Tòa án..

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên